PHỤ LỤC DANH MỤC PHÁT TRIỂN TỈNH QUẢNG NGÃI
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2050

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng ... năm 20... của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

PHỤ LỤC I: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH QUẢNG NGÃI 2

PHỤ LỤC II: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NGÃI 4

PHỤ LỤC III: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NGÃI 5

PHỤ LỤC IV: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH QUẢNG NGÃI 8

PHỤ LỤC V: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI 10

PHỤ LỤC VI: DANH MỤC CÁC NGUỒN ĐIỆN TỈNH QUẢNG NGÃI 15

PHỤ LỤC VII: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THỦY LỢI TỈNH QUẢNG NGÃI 30

PHỤ LỤC VIII: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH QUẢNG NGÃI 32

PHỤ LỤC IX: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BÃO TỈNH QUẢNG NGÃI 33

PHỤ LỤC X: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI 35

PHỤ LỤC XI: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2025-2030 38

PHỤ LỤC XII: PHƯƠNG HƯỚNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN 41

PHỤ LỤC XIII: 42

PHỤ LỤC XIV: CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030 42

PHỤ LỤC I: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	Tên đô thị	Loại đô thị 2030	Loại đô thị 2050
1	Đô thị Quảng Ngãi (Đô thị trung tâm)	II	II
	P. Trương Quang Trọng		
	P. Cẩm Thành		
	P. Nghĩa Lộ		
	Xã An Phú		
	Xã Tịnh Khê		
	Xã Tư Nghĩa		
	Xã Nghĩa		
	Xã Sơn Tịnh		
	Xã Nghĩa Hành		
	Xã Vệ Giang		
2	Đô thị KonTum (Đô thị Trung tâm phía Tây)	II	II
	Phường Kon Tum		
	Phường Đăk Cấm		
	Phường Đăk BLa		
	Xã Ia Chim		
	Xã Ngọk Bay		
	Xã Đăk Rơ Wa		
3	Đô thị Dung Quất (Đô thị phía Bắc)	II*	II
	Xã Bình Sơn		
	Xã Vạn Tường		
	Xã Đông Sơn		
	Xã Thọ Phong		
4	Đô thị Sa Huỳnh (Đô thị phía Nam)	II*	II
	Phường Trà Câu		
	Phường Đức Phổ		
	Phường Sa Huỳnh		
	Xã Khánh Cường		
	Xã Nguyễn Nghiêm		

	Xã Lân Phong		
5	Đô thị Măng Đen	II*	II
6	Đô thị Bờ Y	II*	II
7	Đô thị Lý Sơn	III	II*
8	Đô thị Trà Xuân (Xã Trà Bồng)	III	III
9	Đô thị Mộ Đức (Xã Mộ Đức)	III	III
10	Đô thị Ba Tơ (Xã Ba Tơ)	III	III
11	Đô thị Di Lăng (Xã Sơn Hà)	II*	II
12	Đô thị Minh Long (Xã Minh Long)	III	III
13	Đô thị Đăk Hà (Xã Đăk Hà)	III	III
14	Đô thị Đăk Tô (Xã Đăk Tô)	III	II*
15	Đô thị Đăk Glei (Xã Đăk Pék)	III	II*
16	Đô thị Đắk Rve (Xã Đắk Rve)	III	III
17	Đô thị Sa Thầy (Xã Sa Thầy)	III	III
18	Đô thị Tu Mơ Rông (Xã Tu Mơ Rông)	III*	III
19	Đô thị Nam Sông Vệ (Xã Long Phụng)		III
20	Đô thị Đức Minh (Xã Mỏ Cày)		III
21	Đô thị Tịnh Bắc (Xã Ba Gia)		
22	Đô thị Trà Bình (Xã Đông Trà Bồng)		III
23	Đô thị Hành Thiện (Xã Thiện Tín)		III
24	Đô thị Sơn Hạ (Xã Sơn Hạ)		III
25	Đô thị Ba Động (Xã Ba Động)		III
26	Đô thị Ba Vì (Xã Ba Vì)		III
27	Đô thị Tây Trà (Xã Trà Phong)		III
28	Đô thị Sơn Tây (Xã Sơn Tây và Sơn Tây Thượng)		III
29	Đô thị KonPlong (Xã KonPlong)		III
30	Đô thị Măng Bút (Xã Măng Bút)		III
31	Đô thị Kon Braih (Xã Kon Braih)		III
32	Đô thị Mô Rai (Xã Mô Rai)		III
33	Đô thị Ia Tơi (Xã Ia Tơi)		III

PHỤ LỤC II: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm (Cập nhật mới)	Diện tích quy hoạch (ha)
	TỔNG CỘNG		**7.223,0**
I	**Các khu công nghiệp đã thành lập tiếp tục duy trì, phát triển**		**2.911,76**
1	Khu công nghiệp Quảng Phú	Phường Nghĩa Lộ	74,5
2	Khu công nghiệp phía Tây (KCN Tây Dung Quất; KCN-ĐT-DV Dung Quất I)	Xã Bình Sơn	500,0
3	Khu công nghiệp Đông Dung Quất	Xã Vạn Tường	1.933,0
4	Khu công nghiệp Phổ Phong	TX. Đức Phổ	47,5
5	Khu công nghiệp Hoà Bình	Phường Đăk Bla	60
6	Khu công nghiệp Sao Mai	Xã Đăk Rơ Wa	150
7	Khu công nghiệp Đăk Tô	Xã Đăk Tô	146,76
II	**Các khu công nghiệp đã thành lập, dự kiến được mở rộng, phát triển mới**		**1.312,0**
1	Khu công nghiệp Bình Hòa - Bình Phước (KCN Bình Hoà - Bình Phước I; KCN Bình Hoà - Bình Phước II)	Xã Vạn Tường	592,0
2	Khu công nghiệp Tịnh Phong (KCN Tịnh Phong hiện hữu; KCN VSIP)	Xã Thọ Phong, Phường Trương Quang Trọng	720,0
III	**Các khu công nghiệp dự kiến thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật**		**2.999,24**
1	Khu công nghiệp Dung Quất II (thuộc Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Dung Quất II)	Xã Thọ Phong, xã Đông Sơn	765,0
2	Khu công nghiệp Bình Thanh (thuộc KCN - ĐT- DV Bình Thanh)	Xã Đông Sơn	1.399,0
3	KCN Bình Long	Xã Bình Sơn	341,0
4	KCN An Phú (thuộc KCN, đô thị và dịch vụ An Phú)	Xã Nghĩa Giang	276,0
5	KCN sản xuất, chế biến dược liệu tập trung.	Xã Đăk Tô	218,24

Ghi chú:

- Tuỳ vào tiến độ đầu tư và khả năng thu hút đầu tư của từng dự án, sẽ phân bổ diện tích đất phù hợp đảm bảo phát huy hiệu quả đầu tư.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư./.

PHỤ LỤC III: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	Tên CCN	Địa điểm	Diện tích (ha)
A	**CỤM CÔNG NGHIỆP CÓ TRONG QUY HOẠCH TỈNH ĐƯỢC DUYỆT TIẾP TỤC GIỮ NGUYÊN VÀ ĐIỀU CHỈNH TRONG KÌ QUY HOẠCH NÀY**		
I	**Các cụm công nghiệp đã thành lập và hoạt động, tiếp tục duy trì phát triển.**		**552,16**
1	CCN Bình Nguyên	Xã Bình Sơn	30,70
2	CCN La Hà	Xã Tư Nghĩa	30,00
3	CCN Quán Lát	Xã Long Phụng, Xã Mỏ Cày	31,59
4	CCN Thạch Trụ	Xã Lân Phong	20,00
5	CCN Phổ Hòa	Phường Đức Phổ	4,07
6	CCN Đồng Làng	Phường Đức Phổ	20,00
7	CCN Phổ Phong	Xã Nguyễn Nghiêm	16,60
8	CCN Sa Huỳnh	Phường Sa Huỳnh	4,13
9	CCN Đồng Dinh	Xã Nghĩa Hành	30,00
10	CCN Ba Động	Xã Ba Động	25,00
11	CCN Thị trấn Trà Xuân	Xã Trà Bồng	10,00
12	CCN-TTCN Thanh Trung	Phường Đăk Cấm	70,29
13	CCN-TTCN, làng nghề H'nor	Phường Đăk Bla	18,30
14	CCN-TTCN Hòa Bình	Xã Đăk Rơ Wa	18,30
15	CCN-TTCN, làng nghề thị trấn Đăk Hà	Xã Đăk Hà	10,60
16	CCN Tịnh Bắc	Xã Ba Gia	30,00
17	CCN thị trấn Mộ Đức	Xã Mộ Đức	30,00
18	CCN phía Tây thị trấn Đăk Tô	Xã Đăk Tô	50,00
19	CCN - TTCN Phường Ngô Mây và xã Đăk Cấm	Phường Đăk Cấm	62,60
20	CCN-TTCN Đăk Ruồng	Xã Kon Braih	20,00
21	CCN Đăk Sút	Xã Đăk Pék	20,00
II	**CCN đã thành lập dự kiến mở rộng**		**507,75**
1	CCN-TTCN Đăk Xú	Xã Bờ Y, xã Sa Loong	54
2	CCN Bình Long	Xã Bình Sơn	75
3	CCN An Sơn- Đức Lân	Xã Lân Phong	75
4	CCN Hành Đức Hành Minh	Xã Đình Cương, xã Phước Giang	70
5	CCN Sơn Hạ	Xã Sơn Hạ	48
6	CCN Đăk La	Xã Đăk Hà	73,78
7	CCN Đăk Mar	Xã Đăk Mar	37,21
8	CCN và dịch vụ 24/4 thị trấn Đăk Tô	Xã Đăk Tô	24,76
9	CCN -TTCN thị trấn Sa Thầy	Xã Sa Thầy	50
III	**CCN dự kiến thành lập mới**		**1517**
1	CCN Bình Mỹ	Xã Bình Chương	50

2	CCN hậu cần nghề cá Bình Chánh	Xã Bình Sơn	15
3	CCN Bình Thọ	Xã Sơn Tịnh, xã Thọ Phong	70
4	CCN tái chế phế liệu	Phường Kon Tum, phường Đăk Bla, phường Đăk Cấm, xã Ngọk Bay, xã Ia Chim, xã Đăk Rơ Wa	25
5	CCN -TTCN Đăk Nông	Xã Dục Nông	75
6	CCN-TTCN Mô Pả	Xã Tu Mơ Rông	15
7	CCN- TTCN Ia' Hdrai	Xã Ia Tơi	30
8	CCN Bình Khương	Xã Bình Minh	43
9	CCN Núi Dâu	Xã Khánh Cường	75
10	CCN Ba Dinh	Xã Ba Dinh	18
11	CCN Đồi Sim	Xã Tây Trà	5
12	CCN Bình Long 1	Xã Bình Sơn	70
13	CCN Bình Thọ 1	Xã Sơn Tịnh, xã Thọ Phong	70
14	CCN Tịnh Phong	Xã Thọ Phong	75
15	CCN Mỹ Trang	Phường Đức Phổ, xã Khánh Cường	75
16	CCN Đồng Xe	Phường Sa Huỳnh	70
17	CCN Ba Vì	Xã Ba Vì	20
18	CCN Sơn Hải	Xã Sơn Thủy	10
19	CCN Sơn Thượng	Xã Sơn Hà	12
20	CCN Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	20
21	CCN Sơn Trung	Xã Sơn Thủy	14
22	CCN xã Trà Thủy	Xã Trà Bồng	15
23	CCN xã Trà Bình	Xã Đông Trà Bồng	10
24	03 CCN tại khu vực quy hoạch đất công nghiệp phía Nam xã Kon Tum	Xã Ia Chim, xã Đăk Rơ Wa	210
25	CCN Kon Plông 1	Xã Kon Plông	50
26	CCN tại Đăk Kan	Xã Sa Loong	50
27	01 CCN phía Nam	Xã Đăk Pxi, xã Đăk Mar, xã Đăk Ui, xã Ngọk Réo, xã Đăk Hà	45
28	01 CCN	Xã Bờ Y	50
29	01 CCN	xã Đăk Pék	40
30	CCN Kon Plông 2	Xã Măng Đen	50
31	01 CCN	Xã Sa Thầy	40
32	01 CCN	Xã Tu Mơ Rông, xã Măng Ri, xã Đăk Sao, xã Đăk Tờ Kan	30
33	CCN Măng Ri	Xã Măng Ri	20
34	01 CCN	Xã Ya Ly	20
35	01 CCN	Xã Ia Đal	30
B	**CỤM CÔNG NGHIỆP ĐỀ XUẤT QUY HOẠCH MỚI**		
1	CCN Tây Bình Sơn	Xã Bình Chương	57,13
2	CCN Trà Câu	Phường Trà Câu	4,63
3	CCN Phổ Phong 1	Xã Nguyễn Nghiêm	50

4	CCN tại xã Trường Giang	xã Trường Giang	70
5	CCN tại xã Sơn Tây Thượng	xã Sơn Tây Thượng	10
6	CCN tại xã Trà Giang	xã Trà Giang	75
7	CCN tại xã Ba Tơ	Xã Ba Tơ	18
8	CCN tại xã Xốp	Xã Xốp	50
9	CCN Đắk Pek	Xã Đắk Pék	40

Ghi chú: *Tên, vị trí, quy mô, diện tích và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.*

PHỤ LỤC IV: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	Tên khu du lịch	Địa điểm
I	**Khu du lịch cấp Quốc gia**	
1	Khu du lịch sinh thái Quốc gia Măng Đen	Xã Măng Đen
2	Khu du lịch Mỹ Khê	Xã Tịnh Khê
3	Khu du lịch đảo Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
II	**Khu du lịch cấp tỉnh**	
1	Khu du lịch sinh thái lòng hồ Ia Chim	Xã Ia Chim
2	Khu du lịch nghỉ dưỡng phía Nam sông Đăk Bla	Xã Đăk Rơ Wa
3	Khu du lịch - đô thị sinh thái nghỉ dưỡng	Phường Kon Tum
4	Khu du lịch văn hóa lịch sử Ngục Kon Tum	Phường Kon Tum
5	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thể thao Đăk Rơ Wa	Xã Đăk Rơ Wa
6	Khu sinh thái - du lịch công viên Bắc Kon Tum	Phường Đăk Cấm
7	Khu du lịch sinh thái vườn quốc gia Chư Mom Ray	Xã Sa Thầy
8	Khu du lịch sinh thái thác Khỉ	Xã Sa Thầy
9	Khu du lịch nghỉ dưỡng suối nước nóng Ia Mang	Xã Mô Rai
10	Khu du lịch suối Đắk Ui	Xã Đăk Ui
11	Khu du lịch sinh thái Đăk Pe	Xã Đăk Pxi
12	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, tắm bùn, suối khoáng (Suối nước nóng Kon Đào)	Xã Kon Đào
13	Dự án ứng dụng công nghệ cao, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái	Xã Đăk Tô
14	Khu du lịch và dịch vụ Đăk Trăm	Xã Kon Đào
15	Khu du lịch sinh thái Đăk Na	Xã Đăk Sao
16	Khu du lịch thác Đăk Tring và suối nước nóng	Xã Kon Đào
17	Khu du lịch sinh thái Đăk Chờ	Xã Ngọk Tụ
18	Khu dịch vụ du lịch	Xã Kon Đào
19	Khu du lịch sinh thái Kon Tu Rằng	Xã Măng Đen
20	Khu Du lịch sinh thái ven hồ Thủy điện Đắk Pne	Xã Đăk Rve
21	Khu du lịch sinh thái thác thôn 1, thôn 7	Xã Đăk Kôi
22	Khu du lịch sinh thái suối nước nóng Đắk Kôi	Xã Đăk Kôi
23	Khu du lịch nghỉ dưỡng suối nước ĐăkToa	Xã Đăk Kôi
24	Khu du lịch cộng đồng kết hợp du lịch sinh thái Thác Kon Bring	Xã Măng Đen
25	Cửa khẩu quốc tế Bờ Y và đô thị Ngọc Hồi	Xã Bờ Y
26	Khu du lịch cửa khẩu	Xã Bờ Y
27	Khu du lịch Hồ Sa Loong	Xã Sa Loong
28	Đỉnh Ngọc Linh	Xã Ngọc Linh
29	Khu du lịch sinh thái Ngọc Linh	Xã Đăk Pék

STT	Tên khu du lịch	Địa điểm
30	Khu du lịch sinh thái đèo Lò Xo	Xã Đăk Plô
31	Khu du lịch sinh thái Ngọc Lây	Xã Măng Ri
32	Khu di tích căn cứ Tỉnh uỷ Kon Tum	Xã Măng Ri
33	Khu du lịch thác Siu Puông, Te Prong và Y Hai	Xã Đăk Sao
34	Khu du lịch Sa Huỳnh	Phường Sa Huỳnh
35	Khu du lịch sinh thái Thạch Bích	Xã Đông Trà Bồng, xã Bình Minh
36	Khu Du lịch Bình Châu	Xã Đông Sơn
37	Khu Du lịch Bình Hải	Xã vạn Tường
38	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hồ Núi Ngang	Xã Ba Động
39	Khu du lịch sinh thái Bàu Cá Cái	Xã Vạn Tường
40	Khu du lịch sinh thái núi Cà Đam	Xã Cà Đam
41	Khu du lịch Đặng Thùy Trâm	Xã Khánh Cường
42	Khu du lịch thảo nguyên Bùi Hui	Xã Ba Tơ, Xã Đặng Thuỳ Trâm
43	Quần thể đô thị nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Thạch Bích - Núi Chúa	Xã Đông Trà Bồng
44	Khu du lịch Hồ Nước Trong	Xã Sơn Hà
45	Khu du lịch sinh thái Kà Tinh	Xã Trà Bồng

Ghi chú:

- Tuỳ vào tiến độ đầu tư và khả năng thu hút đầu tư của từng dự án, sẽ phân bổ diện tích đất phù hợp đảm bảo phát huy hiệu quả đầu tư.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu du lịch, các chức năng trong khu du lịch sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư./.

PHỤ LỤC V: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	Tên đường	Dự kiến điểm đầu	Dự kiến điểm cuối	Ghi chú
A	**CAO TỐC**			
I	**Các tuyến hiện có**			
	Tuyến cao tốc Bắc Nam phía Đông (CT.01)	Ranh TP Đà Nẵng	Xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	
II	**Các tuyến quy hoạch mới**			
1	Tuyến cao tốc Bắc Nam phía Đông (CT.01)			
	Đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	Xã Nghĩa Giang, tỉnh Quảng Ngãi	Ranh tỉnh Gia Lai	
2	Tuyến cao tốc Bắc Nam phía Tây (CT.02)			
	Đoạn Ngọc Hồi - Pleiku	Xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi	Ranh tỉnh Gia Lai	
3	Tuyến cao tốc Đà Nẵng – Thạch Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y (CT.21)			
	Đoạn Thạch Mỹ - Ngọc Hồi	Ranh TP Đà Nẵng	Xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi	
	Đoạn Ngọc Hồi - Bờ Y	Xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi	Cửa khẩu Bờ Y, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi	
4	Tuyến cao tốc Quảng Nam - Quảng Ngãi (CT.22)	Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Ranh TP. Đà Nẵng	
5	Tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (CT.42)	Xã Nguyễn Nghiêm, tỉnh Quảng Ngãi	xã Đắk Hà, tỉnh Quảng Ngãi	
B	**QUỐC LỘ**			
I	**Các tyến hiện hữu**			
1	QL.1	Ranh TP Đà Nẵng	Ranh tỉnh Gia Lai	
2	Đường Hồ Chí Minh	Giáp TP. Đà Nẵng	Ranh giới tỉnh Gia Lai	
3	Đường Trường Sơn Đông	Giáp TP. Đà Nẵng	Ranh giới tỉnh Gia Lai	
4	QL.14C	Xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi	Ranh giới tỉnh Gia Lai	
5	QL.24	xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi	ranh giới xã Ba Vì và xã Kon Plông	

6	QL.24B	Cảng Sa Kỳ, xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi	
7	QL.24C	Cảng Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi	Ranh TP Đà Nẵng	
8	QL.40	Xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi	Đi Bờ Y; Đăk Kôi, tỉnh Quảng Ngãi	
9	QL.40B	Giáp TP. Đà Nẵng	Đường Hồ Chí Minh	
II	**Các tuyến Quy hoạch**			
1	QL.19B	Ranh tỉnh Gia Lai	Xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	
2	QL.24D	Xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	xã Đắk Hà, tỉnh Quảng Ngãi	
C	**ĐƯỜNG TỈNH**			
I	**Các tuyến hiện có**			
1	ĐT.621	xã Bình Sơn	Cảng Sa Kỳ, xã Đông Sơn	
2	ĐT.623	xã Sơn Hà	xã Sơn Tây Thượng	
3	ĐT.623B	Phường Nghĩa Lộ	xã Sơn Hạ	
4	ĐT.624	Phường Nghĩa Lộ	xã Ba Động	
5	ĐT.624B	xã Mỏ Cày	xã Thiện Tín	
6	ĐT.626	xã Sơn Hà	xã Tây Trà Bồng	
7	ĐT.627	Ranh TP Đà Nẵng	Ranh tỉnh Gia Lai	
8	ĐT.627B	xã Long Phụng	Phường Trà Câu	
9	ĐT.628	xã Vệ Giang	xã Sơn Kỳ	
10	ĐT.621B	xã Bình Sơn	xã Trà Bồng	
11	ĐT.627C	Phường Đức Phổ	xã Ba Tơ	
12	ĐT.671	xã Đăk Hà giao Hồ Chí Minh	xã Ya Ly giao Tỉnh lộ 675A	
13	ĐT.673	Xã Đăk Plô giao Hồ Chí Minh	Xã Măng Ri giao Quốc lộ 40B	
14	ĐT.673A	Giao với ĐT.673	Cửa khẩu Đăk Plô, xã Đăk Plô	
15	ĐT.674	xã Sa Thầy	Đường tuần tra biên giới	
16	ĐT.675	Giao với ĐT.679	Giao Quốc lộ 14C xã Sa Loong	
17	ĐT.675A	xã Sa Thầy giao QL 24 kéo dài	Hồ Đá, xã Ia Đal	
II	**Các tuyến kéo dài**			

1	ĐT.622B	xã Bình Sơn	xã Thanh Bồng	
2	ĐT.622C	xã Đông Sơn	xã Đông Trà Bồng	
3	ĐT.624C	xã Mõ Cày	xã Thiện Tín	
4	ĐT.672	Xã Măng Ri giao với ĐT.673	Xã KonPlong giao Trường Sơn Đông	Đề xuất kéo dài tuyến đến đường Trường Sơn Đông
5	ĐT.676	xã Măng Đen giao Quốc lộ 24	xã Măng Ri giao với ĐT672	Đề xuất kéo dài tuyến đến ĐT 672 để tạo thành trục dọc liên kết Từ Măng Đen đi xã Ngọc Linh
6	ĐT.677	Xã Kon Braih giao với QL 24	xã Đăk PXi giao VD8 Tu Mơ Rông	
7	ĐT.678	Xã Kon Đào giao với QL 40B	cửa khẩu Đắk Long, xã Đắk Long	Kéo dài đến cửa khẩu Đăk Long
8	ĐT.678A	Xã Tu Mơ Rông giao với QL 40B	Xã Bờ Y giao Cao tốc Bờ Y- Ngọc Hồi	
9	ĐT.679	Xã Sa Bình giao với Quốc lộ 24	xã Đăk Pxi giao Quốc lộ 24D	
III	**Các tuyến mở mới**			
1	ĐT.621C	xã Đông Sơn	xã Vệ Giang	
2	ĐT.621D	xã Bình Chương	Phường Trà Câu	
3	ĐT.622	xã Bình Minh	xã Phước Giang	
4	ĐT.622D	xã Trường Giang	xã Tây Trà Bồng	
5	ĐT.624D	xã Tư Nghĩa	xã Mỏ Cày	
6	ĐT.624E	Xã Bình Sơn	Xã Tư Nghĩa	
7	ĐT.626B	xã Sơn Hà	xã Sơn Tây Thượng	
8	ĐT.627D	xã Đặng Thùy Trâm	Ranh tỉnh Gia Lai	
9	ĐT.623D	xã Sơn Hà	xã Sơn Tây Hạ	
10	ĐT.623C	xã Sơn Hạ	xã Ba Vì	
11	ĐT.625	xã Thiện Tín	xã Ba Tơ	
12	ĐT.671A	xã Đăk Hà giao với Đường tỉnh 671	Xã Ia Chim giao ĐT671	
13	ĐT.675B	xã Mô Rai giao với ĐT674	Xã Ia Tơi giao với ĐT675A	
14	ĐT.677A	xã Tu Mơ Rông giao với Quốc lộ 40B	xã Đăk Hà giao Đường HCM	
15	ĐT.680	xã Đăk Rơ Wa giao Đường HCM	Xã Măng Đen giao với đường Trường Sơn Đông	

16	ĐT.672A	Xã Tu Mơ Rông giao với QL.40B	Xã Măng Ri giao ĐT672	Đề xuất tuyến mới để kết nối Đông Tây từ Tu Mơ Rông về Măng Bút
17	ĐT.676A	Xã Măng Bút giao với QL.24D	Ranh TP Đà Nẵng	Đề xuất tuyến mới kết nối QL.24D với QL.40B
18	ĐT.676B	Xã Măng Ri giao với ĐT.676	Xã Măng Bút giao ĐT.676A	Đề xuất tuyến mới kết nối ĐT.676 với ĐT.676A
19	Các tuyến đường bộ khác theo nhu cầu phát triển của Tỉnh	Các xã, phường	Các xã, phường	

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	Tên tuyến dự kiến	Chiều dài dự kiến	Cấp kỹ thuật
1	Tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn	32	Cấp II
2	Tuyến sông Trà Bồng		
-	*Đoạn Châu Ổ - Sa Cần*	10,1	Cấp IV
-	*Đoạn Châu Ổ - Thủy điện Cà Đú*	21	Cấp V
3	Tuyến sông Kinh Giang	19	Cấp IV
4	Tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé	8	Cấp III
5	Tuyến sông Trà Khúc		
-	*Đoạn hạ lưu đập dâng sông Trà Khúc - Cửa Đại*	10	Cấp IV
-	*Đoạn thượng lưu cầu và đường nối vào khu Đảo Ngọc - đập Thạch Nham*	20	Cấp IV - V
6	Tuyến sông Vệ	29	Cấp V
7	Tuyến sông Trà Câu	11	Cấp V
8	Tuyến sông Thoa - sông Trường	32	Cấp VI
9	Tuyến Vạn Tường - Lý Sơn	28	Cấp III
10	Tuyến Tịnh Khê - Lý Sơn	32	Cấp III
11	Tuyến Tịnh Khê - Vạn Tường	30	Cấp III
12	Tuyến Tịnh Khê - Sa Huỳnh	60	Cấp III
13	10 Tuyến hồ Đắcđrink (Đăk Lang - Huy Ra Lung; Đăk Lang - Nước Vương; Đăk Lang - Đăk Nên; Huy Ra Lung - Ra Manh; Huy Ra		

STT	Tên tuyến dự kiến	Chiều dài dự kiến	Cấp kỹ thuật
	Lung - Nước Vương; Huy Ra Lung - Đăk Nên; Ra Manh - Đăk Lang; Ra Manh - Nước Vương; Ra Manh - Đăk Nên; Nước Vương - Đăk Nên)		
14	Tuyến Trà Xinh - Sơn Bao (hồ Nước Trong)		
15	Hồ thủy điện Yaly (luồng tuyến Plei Weh - Chư pah)		Cấp VI
16	Trên sông ĐăkBla (đoạn qua thành phố Kon Tum; Luồng tuyến chính Đăk Bla - Kon Ktu - Đăk Rơ Wa)		Cấp VI
17	Hồ Sê San (Vận tải trên luồng tuyến từ Bến nông trường 4 Duy Tân - Bến nông trường 5 Duy Tân bến làng cá thôn 7 xã Ia Tơi)		Cấp VI
18	Hồ thủy điện Thượng Kon Tum: luồng tuyến (Kon Plông - Vi Xây - Đăk Tăng)		Cấp VI
19	Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Đà Nẵng - Lý Sơn		
20	Tuyến hành lang ven biển từ Quảng Ninh đến An Giang (Kiên Giang cũ) qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi		
21	Các tuyến vận tải thủy khác phục vụ vận tải hàng hóa và phục vụ du lịch của địa phương		

PHỤ LỤC VI: DANH MỤC CÁC NGUỒN ĐIỆN TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
I	**THUỶ ĐIỆN**					
I.1	*Dự án thủy điện đang triển khai thi công xây dựng, dự kiến điều chỉnh quy mô, công suất trong thời kỳ quy hoạch*					
1	Thủy điện Long Sơn	xã Minh Long	10,6	18		Quyết định số 4944/QĐ-BCT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; 669/QĐ-UBND ngày 30/8/2019
2	Thủy điện Trà Khúc 2	Xã Sơn Linh, Xã Sơn Hạ	30	36		Quyết định số 4548/QĐ-BCT ngày 07/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020; 879/QĐ-UBND ngày 10/8/2022
3	Thủy điện Sông Liên 2	Xã Ba Tơ	12	14,4		Quyết định số 4746/QĐ-BCT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; 102/QĐ-UBND ngày 31/01/2019; 1297/QĐ-UBND ngày 27/12/2021
4	Đăk Ruồi 2	xã Đăk Pék		14		Tạm dừng, chưa tiếp tục triển khai thi công. Do khó khăn về đấu nối nhà máy vào lưới điện quốc gia, hiện nay trên địa bàn huyện Đăk Glei chưa có đường dây và trạm biến áp 110kV.
5	Đăk Ruồi 3	xã Đăk Pék		3		Tạm dừng, chưa tiếp tục triển khai thi công. Do khó khăn về đấu nối nhà máy vào lưới điện quốc gia, hiện nay trên địa bàn huyện Đăk Glei chưa có đường dây và trạm biến áp 110kV.
6	Đăk Mek 3	xã Xốp, xã Ngọc Linh		7,5		Đang triển khai XD
7	Đăk Mi 1A	Xã Xốp		11		Đang triển khai XD
8	Đăk Psi 1	xã Măng Ri		4,0		Đang triển khai XD
9	Bo Ko 2	xã Kon Plông		12,6		Đang triển khai XD
10	Đăk Robaye	xã Kon Plông		10,0		Đang triển khai XD
11	Plei Kần Hạ	xã Sa Loong, xã Đăk Tô		13,0		Đang triển khai XD

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
12	Đăk Nghé	xã Măng Đen, xã Đăk Kôi		7,0		Đang triển khai XD
13	Nam Vao 2	Xã Măng Bút		8,6		Đang triển khai XD
14	Nước Long 1	xã Kon Plông		3,2		Đang triển khai XD
15	Nước Long 2	xã Kon Plông		6,4		Đang triển khai XD
16	Thượng Đăk Psi (hồ phụ)	xã Măng Ri		2,4		Đang triển khai XD
17	Đăk Pône (nhà máy hồ B)	Xã Măng Đen		1,6		Đang triển khai XD
18	Thượng Nam Vao	Xã Măng Bút		9,8		Đang triển khai XD
I.2	*Dự án chuẩn bị triển khai thi công, dự kiến điều chỉnh quy mô, công suất trong thời kỳ quy hoạch*					
1	Thủy điện Sơn Nham	Xã Sơn Hạ	6,8	9	Điều chỉnh từ 6,8MW lên 9MW	Quyết định số 4944/QĐ-BCT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; 624/QĐ-UBND ngày 14/8/2019; 1018/QĐ-UBND ngày 16/9/2022
2	Thủy điện Sơn Linh	Xã Sơn Linh	7	15	Điều chỉnh từ 7MW lên 15MW	Quyết định số 4944/QĐ-BCT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; 625/QĐ-UBND ngày 14/8/2019
3	Bo Ko 1	xã Kon Plông		6,0	6,0	Lập DAĐT (đang nghiên cứu điều chỉnh nâng công suất thành 23,5MW)
4	Đăk Krin	Xã Xốp		7,4	7,4	Lập DAĐT
5	Đăk Pru 3	Xã Đăk Plô		5,0	5,0	Lập DAĐT
6	Đăk Pek	xã Đăk Pék		10,2	10,2	Lập DAĐT
7	Ngọc Linh 1	xã Ngọc Linh		4,0	4,0	Lập DAĐT
8	Ngọc Linh 2	xã Ngọc Linh		7,8	7,8	Lập DAĐT
9	Ngọc Linh 3	xã Ngọc Linh		8,2	8,2	Lập DAĐT
10	Đăk Mi 1B	Xã Xốp		6,0	6,0	Lập DAĐT
11	Nam Vao 1	Xã Măng Bút		10,0	10,0	Lập DAĐT
12	Đăk Lô 1	Xã Kon Plông		12,0	12,0	Lập DAĐT

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
13	Đăk Lô 3	Xã Kon Plông		22,0	22,0	Lập DAĐT
14	Đăk Lô 4	Xã Kon Plông		10,0	10,0	Lập DAĐT
15	Ngọc Tem	Xã Kon Plông		7,5	7,5	Lập DAĐT (đang nghiên cứu điều chỉnh nâng công suất thành 11MW)
16	Đăk Re Thượng	Xã Kon Plông		14,0	14,0	Lập DAĐT
17	Đăk Roong	xã Dục Nông		5,0	5,0	Lập DAĐT
18	Đăk Pô Kô 1	xã Dục Nông		11,0	11,0	Lập DAĐT
I.3	*Dự án đã vận hành, đang xin điều chỉnh nâng công suất trong thời kỳ quy hoạch*					
1	Mở rộng Nhà máy thủy điện Hà Nang	Xã Trà Bồng	11	26		Cải tạo nâng công suất
2	Nâng công suất Nhà máy thủy điện Nước Trong	Xã Sơn Hà	16,5	23,5		Cải tạo nâng công suất
3	Nâng công suất Nhà máy thủy điện Núi Ngang	xã Ba Động	0,7	2		Cải tạo nâng công suất
I.4	*Dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, chuẩn bị thực hiện lựa chọn Nhà đầu tư*					
1	Thủy điện Đăkre 1A	xã Ba Xa	9	15		Quyết định số 749/QĐ-BCT ngày 02/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
2	Thủy điện Đăkre 3	xã Ba Xa	16,5	24		Quyết định số 749/QĐ-BCT ngày 02/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
3	Thủy điện Sơn Màu 1,2	Xã Sơn Tây Hạ		14,0	14,0	Quyết định số 2152/QĐ-BCT ngày12/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
4	Thủy điện Trà Phong 1C	Xã Tây Trà		13,6	13,6	Quyết định số 2361/QĐ-BCT ngày 7/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
5	Thủy điện Trà Lãnh	xã Tây Trà Bồng		5,0	5,0	Quyết định số 857/QĐ-BCT ngày 11/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
6	Thượng Đăk Psi 1	xã Măng Ri, xã Tu Mơ Rông		7,2	7,2	Lập DAĐT
7	Đăk Psi 2	Xã Măng Ri		3,4	3,4	Đã duyệt QH
8	Đăk Glei	Xã Đăk Long		10,6	10,6	Đã duyệt QH

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
9	Nước Đao	Xã Măng Bút		20,0	20,0	Đã duyệt QH
10	Tà Âu	Xã Măng Bút		12,0	12,0	Đã duyệt QH
11	Nước Trê	Xã Măng Bút		17,0	17,0	Đã duyệt QH
12	Đăk Nghé 3	Xã Đăk Kôi, xã Đăk Rve		17,0	17,0	Đã duyệt QH
13	Đăk Toa	xã Đăk Kôi		5,0	5,0	Đã duyệt QH
14	Đăk Pô Nê 4	xã Đăk Kôi, xã Kon Braih		6,0	6,0	Đã duyệt QH
15	Đăk Rve	Xã Đăk Rve		5,0	5,0	Đã duyệt QH
16	Tân Lập	xã Đăk Kôi, xã Kon Braih		5,2	5,2	Đã duyệt QH
17	Đăk Sú 2	Xã Dục Nông, xã Bờ Y		7,2	7,2	Đã duyệt QH
18	Đăk Piu 1	Xã Dục Nông		4,5	4,5	Đã BS Quy hoạch (đang nghiên cứu điều chỉnh nâng công suất lên 13MW)
19	Sa Thầy 1	xã Ia Tơi		9,5	9,5	Đã duyệt QH
20	Sa Thầy 2	xã Ia Tơi, xã Ia Đal		11,2	11,2	Đã duyệt QH
21	Sa Thầy 3	xã Ia Tơi, xã Ia Đal		10,5	10,5	Đã duyệt QH
22	Đăk Bla 3	Xã Đăk Rơ Wa		8,6	8,6	Đã duyệt QH
23	Đăk Na	Xã Dục Nông		15,2	15,2	Đã duyệt QH
24	Đăk Man			6,0	6,0	Đã duyệt QH
25	Đăk Brot			2,0	2,0	Đã duyệt QH
26	Đăk Ruồi 1			7,0	7,0	Đã duyệt QH
27	Sông Tranh 1			12,0	12,0	Đã duyệt QH
I.5	*Dự án đầu tư xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch*					
1	Thủy điện Nước Long A	Xã Ba Vì			25,0	Tách ra từ dự án Thủy điện Nước Long
2	Thủy điện Long Sơn A	Xã Sơn Kỳ			10,0	

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
3	Thuỷ điện Ba Nam	Xã Ba Dinh			42,0	
4	Thủy điện Sơn Trà 1D	Xã Sơn Thủy			10,0	
5	Thủy điện Đắk Lô 5	xã Sơn Tây			12,0	
6	Thủy điện Nước Long 1A	xã Kon Plông			20,0	
7	Thủy điện Thượng Sông Vệ (thủy lợi kết hợp thủy điện)	xã Ba Tơ			12,0	Thủy lợi kết hợp thủy điện
8	Các dự án thuỷ lợi kết hợp thuỷ điện	Ba Tơ			18,0	
9	Nâng công suất Hồ cắt lũ kết hợp phát điện Đăk Bla	Xã Đăk Rơ Wa			2,7	
10	Nâng công suất Đăk Lô	xã Kon Plông			2,0	
11	Bo Ko 2 mở rộng	xã Kon Plông			10,0	
12	Đăk Rơ Sa 2 mở rộng	Xã Ngọk Tụ, xã Kon Đào			0,8	
13	Đăk Rơ Sa mở rộng	Xã Ngọk Tụ			2,5	
14	Sê San 3 mở rộng	xã Ia Tơi			130,0	
15	Sê San 4 mở rộng	xã Ia Tơi			120,0	
16	Sê San 3A mở rộng	xã Ia Tơi			54,0	
17	Đăk Psi 2B mở rộng	Xã Măng Ri			2,5	
18	Đăk Lây mở rộng	xã Tu Mơ Rông			4,8	
19	Đăk Pô Ne 2 mở rộng	Xã Đăk Rve			5,0	
20	Thủy điện hồ cảnh quan				12,0	
21	Thủy điện từ các hồ thủy lợi				19,0	
22	Đăk Mi 1C	xã Đăk Pék			11,0	

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
23	Đăk Năng	xã Đăk Pék			11,0	
24	Thượng Đăk Năng 1	xã Đăk Pék			8,2	
25	Thượng Đăk Năng	xã Đăk Pék			4,0	
26	Thượng Đăk Pô Kô	xã Đăk Pék			16,0	
27	Thượng Đăk Pô Kô 1	xã Đăk Pék			5,0	
28	Đăk Rlong	xã Đăk Pék			12,0	
29	Đăk Rlong 1	xã Đăk Pék			12,0	
30	Thượng Đăk Krin	xã Đăk Pék			12,0	
31	Thượng Đăk Bru	xã Đăk Pék			1,2	
32	Thượng Đăk Bru 1	xã Đăk Pék			14,0	
33	Thượng Đăk Bru 2	xã Đăk Pék			7,0	
34	Thượng Đăk Long	xã Đăk Pék			13,0	
35	Thượng Đăk Long 1	xã Đăk Pék			20,0	
36	Đăk Long 2	xã Đăk Pék			7,0	
37	Đăk Long 3	xã Đăk Pék			7,0	
38	Thượng Sông Thanh	xã Đăk Pék			8,0	
39	Thượng Sông Thanh 1	xã Đăk Pék			10,0	
40	Sông Thanh	xã Đăk Pék			30,0	
41	Đăk Xo Rach 1				8,0	
42	Đăk Xo Rach 2				16,0	
43	Đăk Re 1B	xã Kon Plông			25,0	
44	Đăk Re 3A	xã Kon Plông			12,0	
45	Đăk Bla Thượng	Xã Kon Braih			9,0	
46	Đăk Kôi 1				9,0	

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
47	Đăk Kôi 2				10,0	
48	Đăk Kôi 3				15,0	
49	Đăk Kôi 4				9,0	
50	Đăk Kôi 5				12,0	
51	Thượng Đăk Piu				8,0	
52	Thượng Đăk Piu 1A				7,4	
53	Thượng Đăk Piu 1				25,0	
54	Đăk Ang 1				7,2	
55	Đăk Ang 2				5,8	
56	Đăk Na Thượng	xã Tu Mơ Rông			15,0	
57	Đăk Psi 3A	xã Tu Mơ Rông			8,0	
58	Đăk Psi 3B	xã Tu Mơ Rông			8,0	
59	Tê Xăng				10,0	
60	Đăk Bo				8,0	
61	Cụm dự án thủy điện Đăk Kroong	Xã Đăk Môn			28,0	
62	Đăk Choong				10,0	
63	Các thủy điện tiềm năng khác có thể khai thác trên địa bản tỉnh	Tỉnh Quảng Ngãi			93,5	
II	**Các dự án điện gió**					
1	Điện gió Bùi Hui	Xã Đặng Thùy Trâm			120,0	Thực hiện theo Dự thảo Kế hoạch Điện VIII phân bổ cho tỉnh là 50MW, còn lại 70MW là công suất tiềm năng sẽ thực hiện khi đủ điều kiện
2	Điện gió Sa Huỳnh	Phường Sa Huỳnh			50,0	Dự án điện tiềm năng của tỉnh, sẽ thực hiện khi đủ điều kiện

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
3	Điện gió xung quanh Nhà máy Lọc hóa dầu Bình Sơn	Xã Vạn Tường			48,0	QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ
4	Ngọc Réo 3	xã Kon Plông			49,5	Xây dựng mới
5	Ngọc Réo 1	xã Kon Plông			29,7	Xây dựng mới
6	Ngọc Réo 4-GĐ1	xã Kon Plông			36,0	Xây dựng mới
7	Kon Plong INC	xã Kon Plông			100,0	Xây dựng mới
8	Đăk Bla-GĐ1	Xã Măng Đen			22,5	Xây dựng mới
9	Đăk Psi 3	Xã Măng Đen			30,0	Xây dựng mới
10	Đăk Psi 4	Xã Măng Đen			36,0	Xây dựng mới
11	Đăk Psi 5	Xã Măng Đen			68,4	Xây dựng mới
12	Đăk Kôi 7-GĐ1	Xã Đăk Pxi			45,0	Xây dựng mới
13	Tân Lập-GĐ1	xã Kon Plông			67,5	Xây dựng mới
14	Tân Lập 1-GĐ1	xã Kon Plông			67,5	Xây dựng mới
15	Tân Lập 2-GĐ1	xã Kon Plông			63,0	Xây dựng mới
16	Đăk Kôi-GĐ1	Xã Đăk Kôi			31,5	Xây dựng mới
17	Đăk Kôi 2-GĐ1	Xã Đăk Kôi			36,0	Xây dựng mới
18	Đăk Kôi 3-GĐ1	Xã Đăk Rve			58,5	Xây dựng mới
19	Đăk Kôi 6-GĐ1	Xã Đăk Rve			18,0	Xây dựng mới
20	Đăk Kôi 8-GĐ1	Xã Đăk Kôi			27,0	Xây dựng mới
21	Sạc Ly-Kon Tum	xã Sa Loong			200,0	QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ
22	Đăk Ruồng	xã Kon Braih			50,0	Xây dựng mới
23	Đăk Tờ Re	Xã Đak Rơ Wa,			47,2	Xây dựng mới
24	27/7 Toàn Phát	Xã Đăk Môn			96,0	Xây dựng mới
25	Ngọc Réo 2	xã Kon Plông			28,8	Xây dựng mới

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
26	Ngọc Réo 4-GĐ 2	xã Kon Plông			64,8	Xây dựng mới
27	Đăk Bla-GĐ2	Xã Măng Đen			20,4	Xây dựng mới
28	Đăk Psi 1	Xã Măng Đen, xã Đăk Kôi			30,0	Xây dựng mới
29	Đăk Psi 2	Xã Măng Bút, Xã Măng Đen			30,0	Xây dựng mới
30	Tu Mơ Rông	Xã Măng Đen			36,3	Xây dựng mới
31	Tân Lập-GĐ2	xã Kon Plông			18,3	Xây dựng mới
32	Tân Lập 1-GĐ2	xã Kon Plông			32,5	Xây dựng mới
33	Tân Lập 2-GĐ2	xã Kon Plông			37,0	Xây dựng mới
34	Măng Cành	Xã Măng Đen			100,0	Xây dựng mới
35	CWP Hiếu	xã Kon Plông			100,0	Xây dựng mới
36	CWP Hiếu II	xã Kon Plông			100,0	Xây dựng mới
37	CM11 Đăk Long	Xã Măng Đen			80,0	Xây dựng mới
38	Kon Plong 1	Xã Măng Đen, xã Kon Plông			292,8	Xây dựng mới
39	Kon Plong 2	xã Kon Plông			62,4	Xây dựng mới
40	Đăk Long 1	Xã Măng Đen			50,0	Xây dựng mới
41	Đức Bảo				100,0	Xây dựng mới
42	Thịnh Gia				200,0	Xây dựng mới
43	Kosy Kon Plông	xã Kon Plông			150,0	Xây dựng mới
44	Tân Tấn Nhật-Đăk Glei (GĐ2)	Xã Đăk Môn, Đăk Long			50,0	QĐ 1682/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ
45	TV Đăk Glei	xã Đăk Pék			100,0	Xây dựng mới
46	Kosy Đăk Glei	Xã Xốp, xã Đăk Pék			150,0	Xây dựng mới
47	Đăk Kôi-GĐ2	Xã Đăk Kôi			18,0	Xây dựng mới

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
48	Đăk Kôi 2-GĐ2	Xã Đăk Kôi			64,0	Xây dựng mới
49	Đăk Kôi 3-GĐ2	Xã Đăk Rve			41,5	Xây dựng mới
50	Đăk Kôi 6-GĐ2	Xã Đăk Rve			12,0	Xây dựng mới
51	Đăk Kôi 8-GĐ2	Xã Đăk Kôi			123,0	Xây dựng mới
52	Kon Rẫy	Xã Kon Braih			100,0	Xây dựng mới
53	Tân Lập-Kon Rẫy (Tân Lập ESACO)	Xã Kon Braih			50,0	Xây dựng mới
54	Nguyễn Chí-Kon Rẫy				126,0	Xây dựng mới
55	Tân Lập	xã Kon Plông			30,0	Xây dựng mới
56	Đak Ruồng	Xã Kon Braih			50,0	Xây dựng mới
57	Kon Rẫy 1	Xã Măng Ri			28,8	Xây dựng mới
58	Kon Rẫy 2	Xã Đăk Pxi			29,7	Xây dựng mới
59	Kon Rẫy 3	Xã Đăk Pxi			28,0	Xây dựng mới
60	Kon Rẫy 4	Xã Măng Ri			100,8	Xây dựng mới
61	Kon Rẫy 5	Xã Măng Ri			100,0	Xây dựng mới
62	Đăk Kôi 1	Xã Đăk Pxi			29,7	Xây dựng mới
63	Đăk Kôi 4	Xã Đăk Pxi			80,0	Xây dựng mới
64	Đăk Kôi 5	Xã Đăk Pxi			30,0	Xây dựng mới
65	Đăk Kôi 7-GĐ2	Xã Đăk Pxi			207,0	Xây dựng mới
66	Kosy Tu Mơ Rông				50,0	Xây dựng mới
67	Sa Thầy				200,0	Xây dựng mới
68	Đăk Hà 1				50,0	Xây dựng mới
69	Đăk Hà 2				50,0	Xây dựng mới
70	Đăk Tô				50,0	Xây dựng mới
*	Các nguồn điện gió tiềm năng khác					

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
71	Bình Châu	Xã Vạn Tường			100,0	Xây dựng mới
72	Dự án điện gió gần bờ Quảng Ngãi	vùng Quảng Ngãi cũ			1.000,0	Xây dựng mới
73	Dự án tiềm năng khác				1.328,0	Xây dựng mới
	Tổng				7.307,1	
III	**Các dự án điện mặt trời**					
III.1	Các nguồn điện trong Điều chỉnh QH điện VIII					
1	Đầm Nước Mặn	Phường Sa Huỳnh			40,0	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
2	Lâm Bình	Xã Khánh Cường			100,0	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
3	KN Ialy Kon Tum	xã Ya Ly			160,0	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
4	Ia Tơi DT	Xã Ia Tơi			140,0	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
5	Đăk Rơ Sa	xã Đăk Tô			50,0	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
6	FSI Plei Krông (lòng hồ thủy điện Plei Krông) - Giai đoạn 1	xã Sa Thầy			75,0	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
7	ĐMT nổi Pleikrông ĐK (giai đoạn 1)	xã Sa Thầy			40,0	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
8	Ya Tăng	xã Sa Thầy			60,0	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
9	Sê San 3A (trên lòng hồ thủy điện Sê San 3A) - Giai đoạn 1	Xã Ia Tơi			25,0	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
III.2	Các nguồn điện đang trong quá trình xem xét đầu tư					
1	ĐMT Hồ Hóc Dóc	Thị xã Đức Phổ cũ			200,0	
2	ĐMT Hồ Hố Đá	xã Bình Minh			120,0	

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
3	Sa Thầy	Huyện Sa Thầy cũ			40,0	
4	Đăk Bla	Huyện Kon Rẫy cũ			6,2	
5	Kon Rẫy	Huyện Kon Rẫy cũ			50,0	
6	Đăk Bla 1	Huyện TP Kon Tum cũ			49,0	
7	Đăk Psi	Huyện Đăk Hà cũ			20,0	
8	DT 1.1	Huyện Ia H Drai cũ			1.000,0	
9	Tân Cảnh 1	Huyện Đăk Tô cũ			50,0	
10	Ngọc Hồi	Huyện Ngọc Hồi cũ			49,0	
11	Đăk Yên	Huyện TP Kon Tum cũ			30,0	
12	Đăk Uy	Huyện Đăk Hà cũ			45,7	
13	Đăk Rơn Ga	Huyện Đăk Tô cũ			30,0	
14	Ia Tơi 2	Huyện Ia H Drai cũ			49,5	
15	Ia Tơi 2A	Huyện Ia H Drai cũ			49,5	
16	Ya Tăng	Huyện Sa Thầy cũ			75,0	
17	Sa Thầy 1	Huyện Sa Thầy cũ			800,0	
18	Đăk Ui	Huyện Đăk Hà cũ			29,0	
19	Tân Cảnh	Huyện Đăk Tô cũ			50,0	
20	Tân Cảnh 2	Huyện Đăk Tô cũ			49,7	
21	Pô Kô Vina	Huyện Đăk Tô cũ			50,0	
22	Đăk Rơ Nga	Huyện Đăk Tô cũ			22,0	

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
23	Hồ chứa Ia Hiur	Huyện Ia H'Drai cũ			50,0	
24	Tân Lập	Huyện Kon Rẫy cũ			50,0	
25	Đăk Pne	Huyện Kon Rẫy cũ			8,0	
26	Hồ Đăk Pô Kei	Huyện Kon Rẫy cũ			50,0	
27	Đăk Ruồng	Huyện Kon Rẫy cũ			49,0	
28	Đăk Yên	Huyện TP Kon Tum cũ			100,0	
29	Ngọc Tem	Huyện Kon Plông cũ			45,0	
30	Sạc Ly	Huyện Ngọc Hồi cũ			75,0	
31	Đức Thành-Kon Tum 68	Huyện Đăk Hà cũ			30,0	
32	Trường Thành 1	Huyện tỉnh Kon Tum cũ			30,0	
33	Trường Thành 2	Huyện tỉnh Kon Tum cũ			30,0	
34	Pô Kô	Huyện Sa Thầy cũ			49,7	
35	Plei Krông	Huyện Sa Thầy cũ			130,0	
36	Hơ Moong	Huyện Sa Thầy cũ			300,0	
37	Ia Tơi	Huyện Ia H'Drai cũ			500,0	
38	Ia Tơi 1	Huyện Ia H'Drai cũ			330,0	
39	Ia Tơi 2	Huyện Ia H Drai cũ			210,0	
40	Ia Tơi 3	Huyện Ia H'Drai cũ			450,0	

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
41	Ayun Hạ	Huyện tỉnh Kon Tum cũ			400,0	
42	DT	Huyện Ia H'Drai cũ			1.000,0	
43	DT 1.2	Huyện Ia H'Drai cũ			1.000,0	
44	DT 2	Huyện Ia H'Drai cũ			1.000,0	
45	DT 3	Huyện Ia H'Drai cũ			2.000,0	
46	Ia Tơi	Huyện Ia H'Drai cũ			200,0	
47	Các dự án trong lòng hồ thủy điện	Toàn tỉnh			500,0	
48	Các dự án tiềm năng khác	Toàn tỉnh			7.341,0	
IV	**Các dự án điện rác và sinh khối**					
1	Điện rác Khu LH XL Chất thải tổng hợp	Sơn Tịnh, Bình Sơn			25MW	Thực hiện theo Dự thảo Kế hoạch Điện VIII phân bổ cho tỉnh là 15MW, còn lại 10MW là công suất tiềm năng sẽ thực hiện khi đủ điều kiện
2	Điện rác Tư Nghĩa	xã Trường Giang			15MW	Dự án điện tiềm năng của tỉnh, sẽ thực hiện khi đủ điều kiện
3	Điện sinh khối	xã Trà Giang		7	43	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
4	Nhà máy Điện sinh khối Đắk Tờ Re	Xã Kon Braih			50	Dự án điện tiềm năng của tỉnh, sẽ thực hiện khi đủ điều kiện
5	Nhà máy Điện sinh khối Bờ Y 1	xã Bờ Y			90	Dự án điện tiềm năng của tỉnh, sẽ thực hiện khi đủ điều kiện
V	**Thủy điện tích năng**					
	Thủy điện tích năng Kon Plong	Xã Kon Plông			1200	
	Nhà máy điện tích năng Ba Tơ	Xã Kon Plông			1200	
VI	**Các dự án điện khí**					
1	Nhà máy điện khí Dung Quất IV	Xã Bình Sơn			750	Dự án điện tiềm năng của tỉnh, sẽ thực hiện khi đủ điều kiện

TT	Hạng mục	Địa điểm	Quy mô (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Quy hoạch	Tiềm năng	
2	Nâng công suất Nhà máy Nhiệt điện khí dư Hòa Phát I (Tự dùng)	Xã Vạn Tường	240	360		Dự án điện tiềm năng của tỉnh, sẽ thực hiện khi đủ điều kiện
3	NĐ khí dư Hòa Phát II	Xã Vạn Tường			300	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
4	Nhà máy nhiệt điện thuộc dự án: Nhà máy Bột - Giấy VNT19	Xã Vạn Tường			54	Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
5	TBKHH Dung Quất I	Khu KT Dung Quất			750	Sử dụng khí Cá Voi Xanh Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025
6	TBKHH Dung Quất II				750	
7	TBKHH Dung Quất III				750	

PHỤ LỤC VII: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THỦY LỢI TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
1	Dự án thu, trữ nước huyện Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
2	Hồ chứa nước Thượng Sông Vệ	Xã Ba Tô
3	Hệ thống thủy lợi hồ Núi Ngang - Liệt Sơn	Xã Ba Động, Nguyễn Nghiêm, Đức Phổ
4	Hệ thống thủy lợi Thạch Nham	Xã Sơn Hạ
5	Đê Bình Minh - Bình Trung, đê Châu Ổ (sông Trà Bồng)	Xã Bình Minh, Bình Sơn
6	Đê bờ Bắc, Nam sông Trà Khúc đoạn từ cầu đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến Cửa Đại	Xã Nghĩa Giang, P. Cẩm Thành, X.An Phú
7	Đê sông Trà Câu (đoạn từ đường sắt Bắc - Nam đến cửa Mỹ Á)	Xã Trà Câu
8	Đê Bình Trung - đê bờ Bắc đường Châu Ổ	Xã Bình Sơn và xã Bình Minh
9	Đầu tư nạo vét, kiên cố các trục tiêu thuộc các vùng tiêu hạ lưu sông Trà Bồng, Bắc sông Trà Khúc, Nam sông Vệ, Thoa - Trà Câu	tỉnh Quảng Ngãi
10	Đê Phổ Minh (giai đoạn 2)	tỉnh Quảng Ngãi
11	Đầu tư hệ thống công trình chỉnh trị, chống sạt lở, tiêu úng, thoát lũ trên sông Phước Giang	tỉnh Quảng Ngãi
12	Đầu tư xây dựng các tuyến kè chống sạt lở bờ sông Trà Bồng và sông Trà Khúc	tỉnh Quảng Ngãi
13	Đầu tư xây dựng các tuyến kè chống sạt lở bờ sông Vệ và sông Trà Câu	tỉnh Quảng Ngãi
14	Đầu tư xây dựng các tuyến kè chống sạt lở bờ biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	tỉnh Quảng Ngãi
15	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Kon Tum	Xã ĐăK Tô, Sa Loong, Ngọc Réo, Đăk Mar, Đăk Hà, Kon Braih
16	Hồ Kon Braih 3, huyện Kon Plông	Xã Măng Bút

17	Kè chống sạt lở suối Đăk Sia đoạn qua xã Sa Nhơn, Sa Nghĩa và thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	Xã Sa Thầy
18	Đường kết hợp kè bờ suối Đăk Ter (đoạn còn lại)	Xã Tu Mơ Rông
19	Kè chống sạt lở sông Đăk Tờ Kan (đoạn còn lại)	xã Đăk Tô
20	Kè chống sạt lở suối Đăk Sia (giai đoạn 1)	xã Sa Thầy
21	Dự án Kè chống sạt lở sông Đăk Snghé	xã Kon Braih
22	Dự án Tuyến kè bờ tả KMT2 tại xã Đăk Rơ Wa; Tuyến kè bờ tả KMT3 tại Kon Tum Kơ Mâm đến Plei Rơ Hai 1; Tuyến kè bờ hữu KMH2 tại Kon Mơ Nay	xã Đăk Rơ Wa, Phường Kon Tum, Đăk Bla
23	Dự án Tuyến kè bờ hữu KMH4 tại Plei Tơ Dôn (từ đập dâng số 2 đến Cầu Rô Rê); Tuyến kè bờ tả KMT4 tại Phường Nguyễn Trãi; Tuyến kè bờ tả KMT5 tại Phường Nguyễn Trãi	xã Đăk Rơ Wa, Phường Kon Tum, Đăk Bla
24	Kè chống sạt lở dọc sông Pô Cô đoạn qua các xã Đăk Ang, Đăk Nông và thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi	Xã Dục Nông, Bờ Y, Sa Long
25	Kè bảo vệ 2 bờ Đông, Tây sông Pô Cô đoạn qua xã Đăk Pék và thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei	Xã Đăk Pék
26	Kè chống sạt lở suối Đăk Ui	Xã Đăk Hà

PHỤ LỤC VIII: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	Vị trí khu xử lý	Dự kiến địa điểm	Dự kiến diện tích đến năm 2030 (ha)	Công suất dự kiến	Ghi chú
I	**Khu xử lý cấp quốc gia**				
	Khu liên hợp xử lý chất thải tổng hợp Dung Quất	Xã Vạn Tường, Xã Bình Sơn	82		Thành lập mới
II	Khu xử lý liên tỉnh, vùng tỉnh				
	Khu xử lý chất thải rắn tại xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	Xã Bình Sơn	70		
III	**Khu xử lý liên huyện, vùng huyện**				
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	Xã Nghĩa Hành, xã Nghĩa Giang, xã Phước Giang	137		
2	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt Đức Phổ	Phường Đức Phổ	18		Thành lập mới
3	Khu xử lý rác thải rắn	Phường Đắk Cấm		185 (tấn/ngày đêm)	Thành lập mới
4	Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn	Xã Đắk Plô		100 (tấn/ngày đêm)	Thành lập mới
5	Khu xử lý rác thải rắn	Xã Sa Thầy		51 (tấn/ngày đêm)	Thành lập mới
6	Nhà máy xử lý và tái chế rác thải Kon Rẫy	Xã Đắk Rve		200 (tấn/ngày đêm)	Thành lập mới
7	Khu xử lý rác thải rắn	Xã Măng Đen		25 (tấn/ngày đêm)	Thành lập mới
8	Khu xử lý rác thải rắn	Xã Tu Mơ Rông		27 (tấn/ngày đêm)	Thành lập mới
9	Nhà máy xử lý rác thải rắn	Xã Ia Tơi		15 (tấn/ngày đêm)	Thành lập mới
10	Khu xử lý rác thải	Xã Đăk Tô		20 (tấn/ngày đêm)	

PHỤ LỤC IX: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BÃO TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	Tên cảng cá	Dự kiến địa điểm	Ghi chú
A	**Cảng cá**		
I	Các dự án đầu tư, nâng cấp sửa chữa		
1	Cảng cá Lý Sơn loại I	Xã An Hải	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng
2	Cảng cá Sa Huỳnh loại I	Phường Sa Huỳnh	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
3	Cảng cá Tịnh Hòa loại I	Xã Đông Sơn	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng
4	Cảng cá Sa Kỳ loại II	Xã Tịnh Khê	
5	Cảng cá Sông Trà Bồng loại II	Xã Vạn Tường	
II	Các dự án đầu tư, xây mới		
1	Cảng cá Sa Cần loại II	Xã Bình Sơn	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
2	Cảng cá Cổ Lũy loại II	Xã Nghĩa An	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
3	Cảng cá Mỹ Á loại II	Xã Nghĩa An Phường Trà Câu	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
4	Cảng cá Đức Lợi loại III	Xã Thắng Lợi	Kết hợp khu neo đậu tránh trú bão
B	**Khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng**		
I	Các dự án đầu tư, nang cấp sửa chữa		
1	Tịnh Hòa	Xã Đông Sơn	Kết hợp cảng cá Tịnh Hòa
2	Lý Sơn	Xã An Hải	Kết hợp cảng cá Lý Sơn
C	**Khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh**		
I	Các dự án đầu tư, nâng cấp sửa chữa		
	Mỹ Á	Phường Trà Câu	Kết hợp cảng cá Mỹ Á

STT	Tên cảng cá	Dự kiến địa điểm	Ghi chú
II	Các dự án đầu tư, xây mới		
1	Cổ Lũy	Xã An Phú	Kết hợp cảng cá Cổ Lũy
2	Cửa Sa Cần	Xã Vạn Tường	Kết hợp cảng cá Sa Cần
3	Cửa Sa Huỳnh	Phường Sa Huỳnh	Kết hợp cảng cá Sa Huỳnh
4	Đức Lợi	Xã Thắng Lợi	Kết hợp cảng cá Đức Lợi

PHỤ LỤC X: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	Tên các cơ sở khám/chữa bệnh	Địa điểm dự kiến
I	**Cơ sở y tế tuyến tỉnh**	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Phường Nghĩa Lộ
2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi 2	Phường Kon Tum
3	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi	Phường Nghĩa Lộ
4	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi	Phường Nghĩa Lộ
5	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi	Phường Nghĩa Lộ
6	Trung tâm Mắt tỉnh Quảng Ngãi	Phường Nghĩa Lộ
7	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	Phường Cẩm Thành
8	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi	Phường Nghĩa Lộ
9	Bệnh viện Y dược cổ truyền-Phục hồi chức năng Kon Tum	Phường Kon Tum
10	Bệnh viện ĐK khu vực Đặng Thùy Trâm	Phường Đức Phổ
11	Bệnh viện ĐK khu vực Ngọc Hồi	Xã Bờ Y
12	Trung tâm Điều trị và Nuôi dưỡng người bệnh tâm thần Kon Tum	Phường Kon Tum
II	**Bệnh viện đa khoa/ trung tâm y tế**	
1	Trung tâm Y tế Quảng Ngãi	Phường Cẩm Thành
2	Trung tâm Y tế Bình Sơn	Xã Bình Sơn
3	Trung tâm Y tế Sơn Tịnh	Xã Sơn Tịnh
4	Trung tâm Y tế Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa
5	Trung tâm Y tế Nghĩa Hành	Xã Nghĩa Hành
6	Trung tâm Y tế Mộ Đức	Xã Mộ Đức
7	Trung tâm Y tế Đức Phổ	Phường Đức Phổ
8	Trung tâm Y tế Trà Bồng	Xã Trà Bồng
9	Trung tâm Y tế Sơn Hà	Xã Sơn Hà
10	Trung tâm Y tế Sơn Tây	Xã Sơn Tây Thượng

11	Trung tâm Y tế Minh Long	Xã Minh Long
12	Trung tâm Y tế Ba Tơ	Xã Ba Tơ
13	Trung tâm Y tế Quân - Dân Y kết hợp Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
14	Trung tâm Y tế Kon Tum	Phường Kon Tum
15	Trung tâm Y tế Ngọc Hồi	Xã Bờ Y
16	Trung tâm Y tế Đăk Hà	Xã Đăk Hà
17	Trung tâm Y tế Đăk Tô	Xã Đăk Tô
18	Trung tâm Y tế Đăk Glei	Xã Đăk Pek
19	Trung tâm Y tế Sa Thầy	Xã Sa Thầy
20	Trung tâm Y tế Kon Rẫy	Xã Đăk Rve
21	Trung tâm Y tế Kon Plông	Xã Măng Đen
22	Trung tâm Y tế Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông
23	Trung tâm Y tế Ia H'Drai	Xã Ia Tơi
24	Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rơ Ông	Xã Đăk Tờ Kan
25	Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rve	Xã Đăk Môn
26	Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Môn	Xã Đăk Rve
III	**Các cơ sở kêu gọi xã hội hoá**	
1	Bệnh viện đa khoa phía Bắc Quảng Ngãi	Phường Trương Quang Trọng
2	Bệnh viện đa khoa phía Bắc Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa
3	Bệnh viện đa khoa phía Tây tỉnh Quảng Ngãi	Xã Sơn Hà
4	Bệnh viện đa khoa phía Nam Đức Phổ	Phường Sa Huỳnh
5	Bệnh viện đa khoa KĐT Châu Ổ - Bình Long	Xã Bình Sơn và xã Vạn Tường
6	Bệnh viện đa khoa khu vực Dốc Sỏi	Xã Bình Sơn
7	Bệnh viện đa khoa phía Đông Mộ Đức	Xã Mỏ Cày
8	Bệnh viện đa khoa Tịnh Phong, Dung Quất	Xã Thọ Phong
9	Bệnh viện đa khoa phía Nam Mộ Đức	Xã Lân Phong

10	Bệnh viện đa khoa Vạn Gia An	Phường Kon Tum
11	Bệnh viện đa khoa tư nhân	
12	Và các cơ sở khác	
IV	**Trạm y tế**	
	51 trạm y tế tại các phường/xã trên địa bàn	Các phường/xã

PHỤ LỤC XI: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2025-2030

A. KHỐI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
I.	KHỐI TRƯỜNG THPT TIẾP TỤC CÔNG TÁC NÂNG CẤP CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ	
STT	TÊN TRƯỜNG	ĐỊA ĐIỂM
1	Trường THPT Ba Tơ	Xã Ba Tơ
2	Trường THPT Bình Sơn	Xã Bình Sơn
3	Trường THPT Phạm Kiệt	Xã Ba Vì
4	Trường THPT Trần Kỳ Phong	Xã Bình Sơn
5	Trường THPT Lê Quý Đôn	Xã Bình Sơn
6	Trường THPT Vạn Tường	Xã Đông Sơn
7	Trường THPT Số 1 Đức Phổ	Phường Đức Phổ
8	Trường THPT Số 2 Đức Phổ	Xã Khánh Cường
9	Trường THPT Lương Thế Vinh	Phường Trả Câu
10	Trường THPT Lý Sơn	Đặc khu Lý Sơn
11	Trường THPT Minh Long	Xã Minh Long
12	Trường THPT Phạm Văn Đồng	Xã Mộ Đức
13	Trường THPT Số 2 Mộ Đức	Xã Long Phụng
14	Trường THPT Trần Quang Diệu	Xã Lân Phong
15	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Xã Mỏ Cày
16	Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành	Xã Nghĩa Hành
17	Trường THPT Nguyễn Công Phương	Xã Nghĩa Hành
18	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành	Xã Thiện Tín
19	Trường THPT Sơn Hà	Xã Sơn Hà
20	Trường THPT Quang Trung	Xã Sơn Hạ
21	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Xã Sơn Kỳ
22	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Xã Sơn Tây Thượng
23	Trường THPT Ba Gia	Xã Ba Gia
24	Trường THPT Sơn Mỹ	Xã Tịnh Khê
25	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	Phường Cẩm Thành
26	Trường THPT Lê Trung Đình	Phường Cẩm Thành
27	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Phường Trương Quang Trọng
28	Trường THPT - DTNT Tỉnh	Phường Cẩm Thành
29	Trường THPT Chuyên Lê Khiết	Phường Cẩm Thành
30	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Phường Trương Quang Trọng
31	Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa	Xã Tư Nghĩa

32	Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa	Xã Nghĩa Giang
33	Trường THPT Thu Xà	Xã Tư Nghĩa
34	Trường THPT Chu Văn An	Xã Tư Nghĩa
35	Trường THPT Trà Bồng	Xã Trà Bồng
36	Trường THPT Tây Trà	Xã Tây Trà
37	Trường THPT và THCS Phó Mục Gia	Xã Đông Trà Bồng
38	Trường THPT Tư thục Trương Định	Phường Trương Quang Trọng
39	Thành phố Giáo dục quốc tế IEC Quảng Ngãi	Phường Cẩm Thành
40	Trường THPT Tư thục Hoàng Văn Thụ	Phường Cẩm Thành
41	Trường THPT Lương Thế Vinh	Xã Đăk Pék
42	Trường PT Dân tộc nội trú Tu Mơ Rông	Xã Măng Ri
43	Trường THPT Phan Chu Trinh	Xã Bờ Y
44	Trường THPT Nguyễn Trãi	Xã Sa Loong
45	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Xã Đăk Tô
46	Trường PT Dân tộc nội trú Đăk Tô	Xã Đăk Tô
47	Trường THPT Nguyễn Du	Xã Đăk Mar
48	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	Xã Đăk Hà
49	Trường THPT Trần Quốc Tuấn - Cơ sở 2	Xã Đăk Hà
50	Trường THPT Quang Trung	Xã Sa Thầy
51	Trường THPT PT Dân tộc nội trú Sa thầy	Xã Sa Thầy
52	Phân Hiệu trường PT Dân tộc nội trú tỉnh Kon Tum	Xã Ia Tơi
53	Trường THPT Trường Chinh	Phường KonTum
54	Trường THPT Duy Tân	Phường KonTum
55	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	Phường KonTum
56	Trường PT Dân tộc nội trú tỉnh KonTum	Phường KonTum
57	Trường THPT Lê Lợi	Phường Đắk Bla
58	Trường THCS và THPT Liên Việt KonTum	Phường Đắk Bla
59	Trường THPT Ngô Mây	Phường Đắk Cẩm
60	Trường THPT Chu Văn An	Xã Kon Braih
61	Trường THPT Chu Văn An - Cơ sở 2	Xã Kon Braih
62	Trường THPT Nội trú Kon Plong	Xã Măng Đen
II. KHỐI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG DỰ KIẾN XÂY MỚI		
STT	TÊN TRƯỜNG	ĐỊA ĐIỂM
1	Trường THPT Tư thục La Hà	Xã An Phú
2	Trường THPT Tư thục Hành Đức	Xã Đình Cương
B. KHỐI TRƯỜNG TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN		

I. KHỐI TRƯỜNG TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TIẾP TỤC CÔNG TÁC NÂNG CẤP CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ		
STT	TÊN TRƯỜNG	ĐỊA ĐIỂM
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đăk Tô	Xã Đăk Tô
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Ngọc Hồi	Xã Sa Loong
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đăk Hà	Xã Đăk Hà
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Sa Thầy	Xã Sa Thầy
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kon Rẫy	Xã Kon Rẫy
II. KHỐI TRƯỜNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN DỰ KIẾN XÂY MỚI		
STT	TÊN TRƯỜNG	ĐỊA ĐIỂM
1	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Đăk Glei	Xã Đăk Pék
2	Cơ sở đào tạo giáo dục thường xuyên Đăk Glei	Xã Đăk Pék
3	Cơ sở đào tạo giáo dục thường xuyên Tu Mơ Rông	Xã Tu Mơ Rông
4	Cơ sở đào tạo giáo dục thường xuyên Ngọc Hồi	Xã Sa Loong
5	Cơ sở đào tạo giáo dục thường xuyên Đăk Tô	Xã Đăk Tô
6	Cơ sở đào tạo giáo dục thường xuyên Đăk Ha	Xã Đăk Mar
7	Cơ sở đào tạo giáo dục thường xuyên Sa Thầy	Xã Sa Bình
8	Cơ sở đào tạo giáo dục thường xuyên Ia H'drai	Xã Ia Tơi
9	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh	Phường Kon Tum
10	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập	Phường Kon Tum
C. KHỐI TRƯỜNG CAO ĐẲNG - ĐẠI HỌC		
STT	TÊN TRƯỜNG	ĐỊA ĐIỂM
1	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	Phường Cẩm Thành
2	Trường Đại học tài chính kế toán Quảng Ngãi	Xã Tư Nghĩa
3	Trường Đại học công nghiệp TP. Hồ Chí Minh - cơ sở Quảng Ngãi	Phường Cẩm Thành
4	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thuỳ Trâm	Phường Cẩm Thành
5	Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại KonTum	Phường KonTum
6	Trường Cao đẳng KonTum	Phường Đăk Cẩm
7	Trường Cao đẳng sư phạm KonTum	Phường KonTum
8	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật	Phường KonTum

PHỤ LỤC XII: PHƯƠNG HƯỚNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

STT	Loại khoáng sản	Số điểm mỏ
I	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường	
1	Cát, sỏi xây dựng	195
2	Đá XD	146
3	Đất san lấp	376
4	Sét gạch ngói	18
II	Khoáng sản kim loại, khoáng chất và khoáng sản khác	
1	Than Bùn	3
2	Vàng	4
3	Sắt	6
4	Đá Quarzit	3
5	Secpentin	1
6	Chì	1
7	Đồng	3
8	Titan	2
9	Thiếc	1
10	Wolfram	1
11	Graphit	4
12	Kaolin	8
13	Felpat	6
14	Felpat đi cùng Mica	3
15	Silimanit	1
16	Vermiculit	1
17	Bentonit	1
18	Diatomit	1
19	Dolomit	1
20	Phụ gia xi măng (Puzolan)	5

PHỤ LỤC XIII:

PHỤ LỤC XIV: CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH QUẢNG NGÃI ĐẾN NĂM 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo Quyết định 326/QĐ-TTg (tổng)	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Loại đất**			
1	*Đất nông nghiệp*	*NNP*	*1.339.723*	*1.309.415*
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	58.180	51.817
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*51.515*	*44.611*
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		196.382
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	263.930	263.930
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	115.317	115.317
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	540.998	535.921
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	*325.527*	*319.126*
2	*Đất phi nông nghiệp*	*PNN*	*139.340*	*168.980*
	Trong đó:			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6.914	7.736
2.2	Đất an ninh	CAN	254	450
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	3.732	7.223
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	1.303	2.570
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2.845	9.129
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	761	2.121
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	163	1.098
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	66.523	78.409
	Trong đó:			
-	Đất giao thông	DGT	26.255	28.973
-	Đất thủy lợi	DTL		11.047
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	572	555
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	241	318
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1.814	1.921
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	666	2.403
-	Đất công trình năng lượng	DNL	25.144	25.411
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	64	44

-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	13	6
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON		361
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		5.829
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	332	638
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	507	632
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	30	30
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	11.566	19.650
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	3.932	13.102
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	250	564
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	108	188
2.14	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
3	*Đất chưa sử dụng*	*CSD*	*3.880*	*4.202*
II	**Khu chức năng**			
1	*Đất khu công nghệ cao*	*KCN*		*292*
2	*Đất khu kinh tế*	*KKT*	*115.770*	*61.332*
3	*Đất đô thị*	*KDT*	*94.387*	*171.524*
4	*Khu sản xuất nông nghiệp*	*KNN*		*349.544*
5	*Khu lâm nghiệp*	*KLN*		*915.168*
6	*Khu du lịch*	*KDL*		*157.149*
7	*Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học*	*KBT*		*123.242*
8	*Khu phát triển công nghiệp*	*KPC*		*9.794*
9	*Khu đô thị*	*DTC*		*16.009*
10	*Khu thương mại - dịch vụ*	*KTM*		*9.098*
11	*Khu dân cư nông thôn*	*DNT*		*69.378*

Ghi chú:

- (*) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh đươck phê duyệt phải đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Diện tích đất nông nghiệp còn bao gồm các loại đất nông nghiệp khác như đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản ... Diện tích đất phi nông nghiệp còn bao gồm các loại đất phi nông nghiệp khác như đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sông, ngòi, ...

- Diện tích đất khu kinh tế, khu công nghệ cao, đất đô thị không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên./.